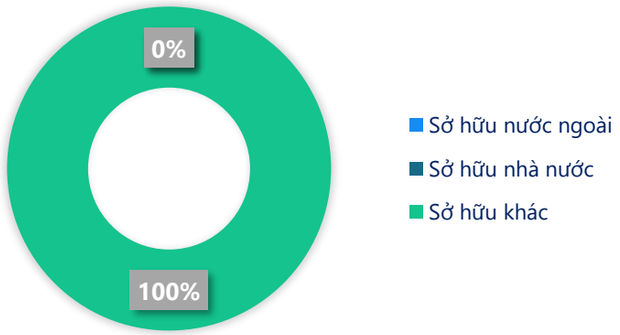
FireAnt

CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,200
SL cổ phiếu LH	50,035,493
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,350
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	510
P/E	
EPS	

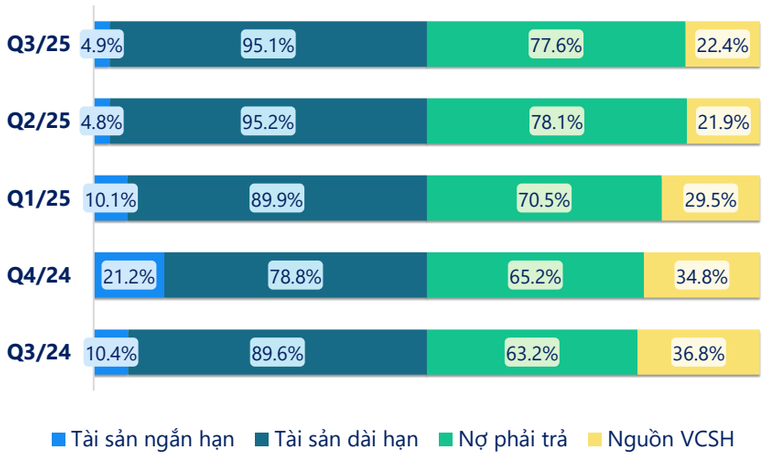
	YTD	1T	3T	6T
PCT	-19.7%	-6.4%	-11.3%	-19.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



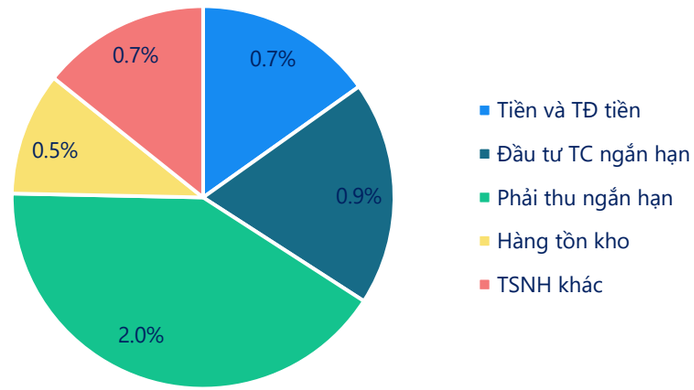
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

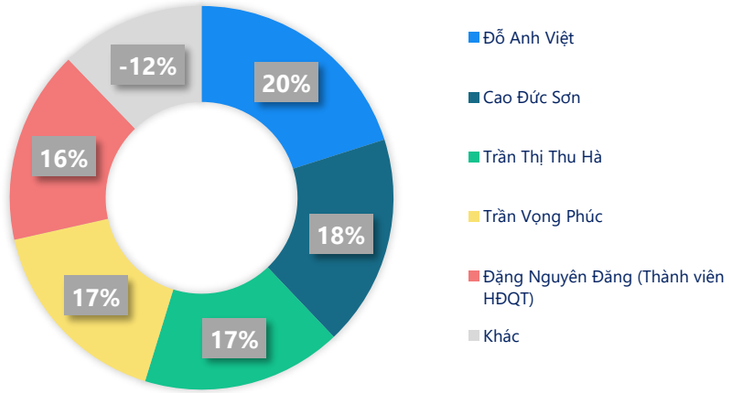
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q3/25

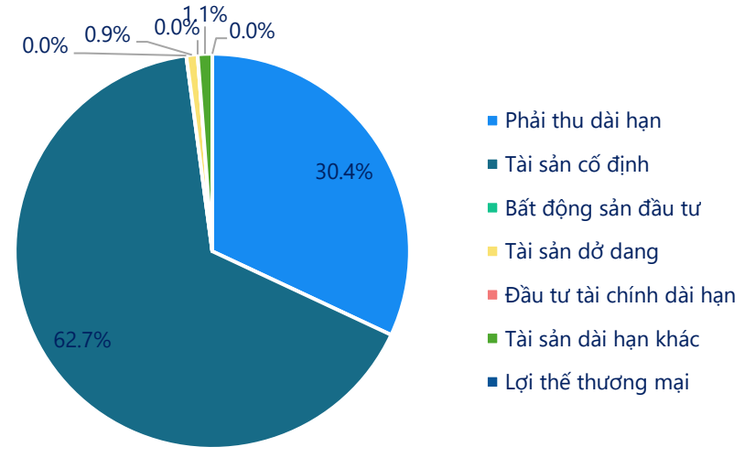
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



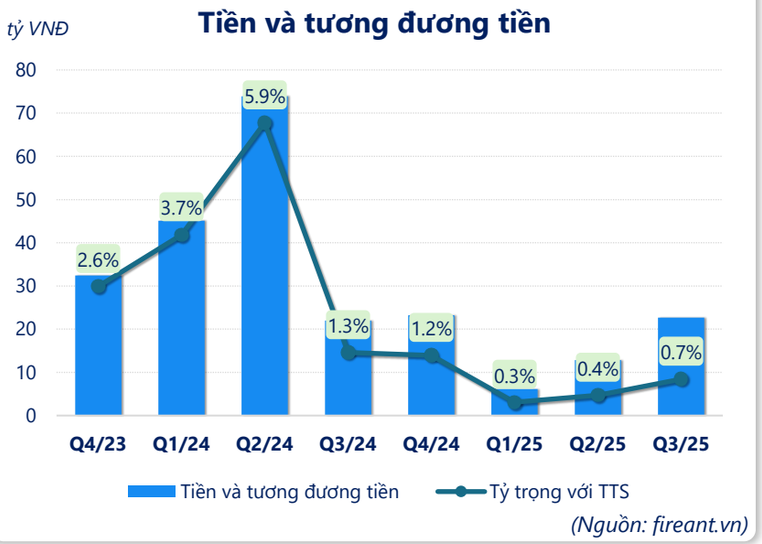
Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

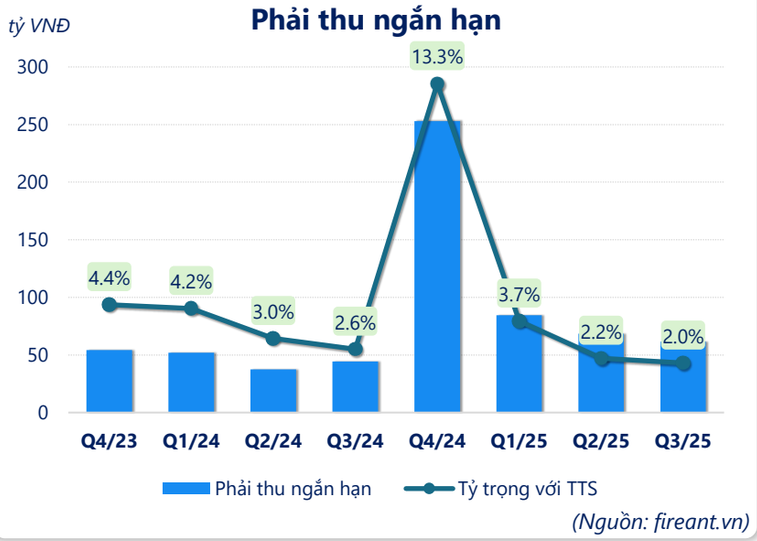
CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

Tiền và tương đương tiền



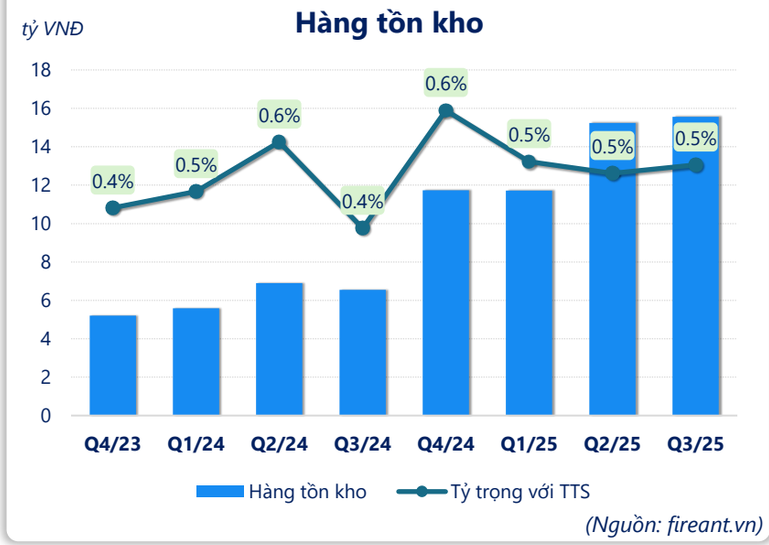
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



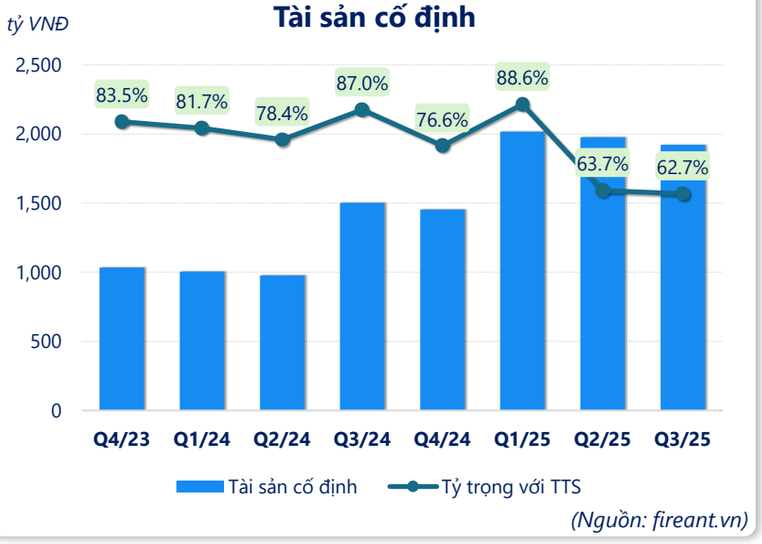
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



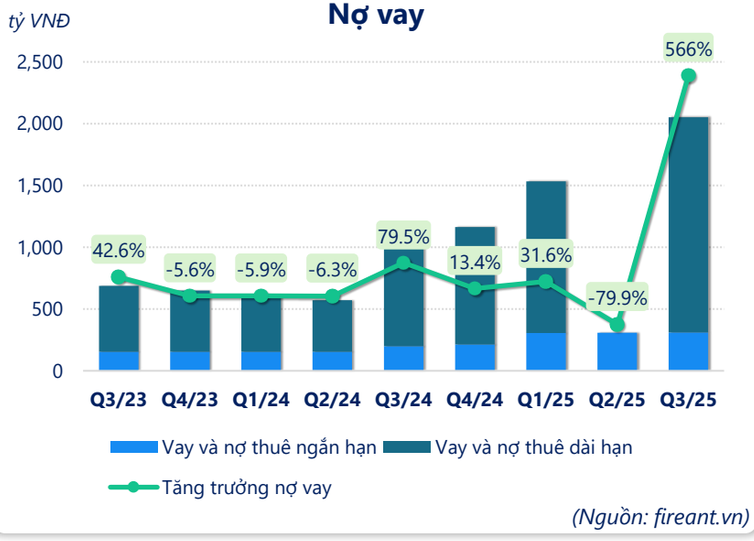
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



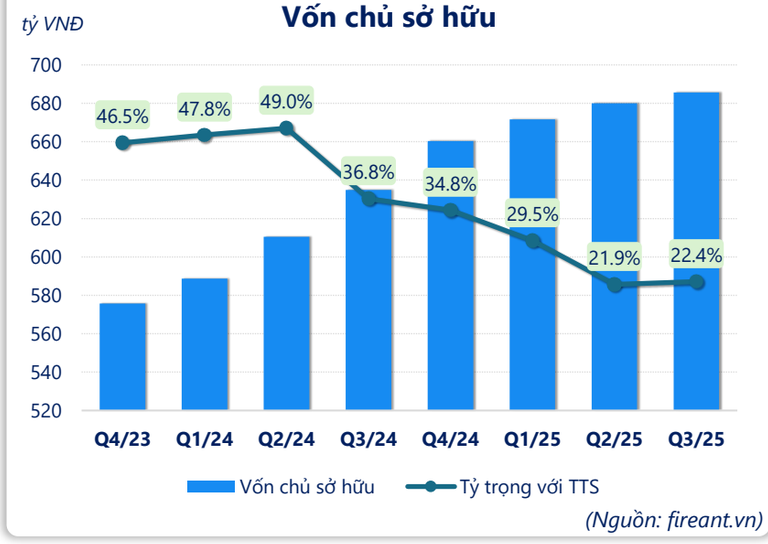
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

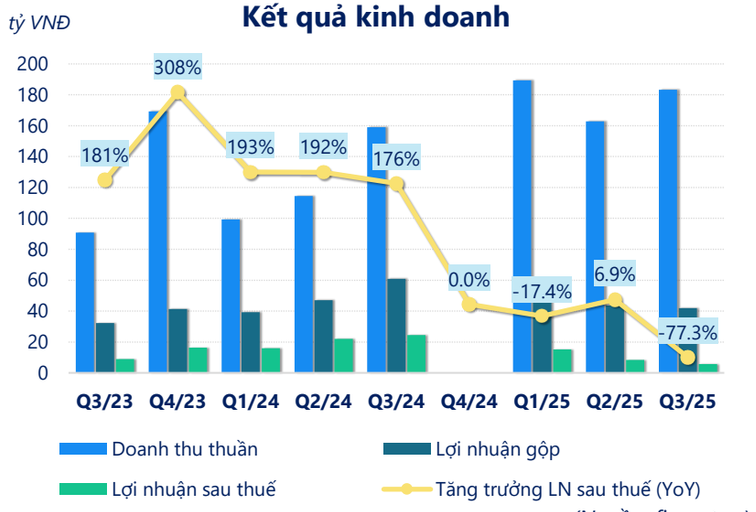
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

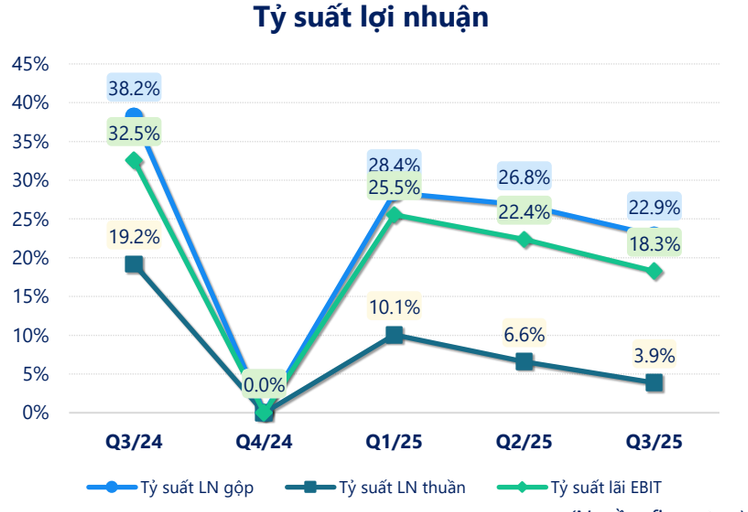
CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

Kết quả kinh doanh



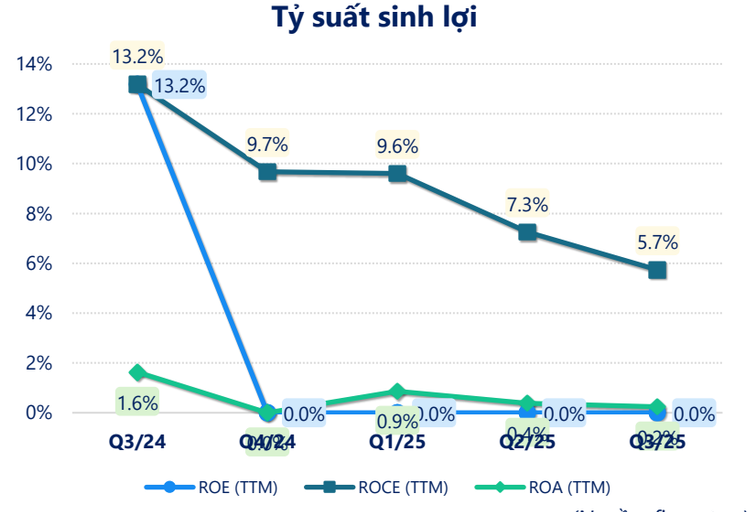
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



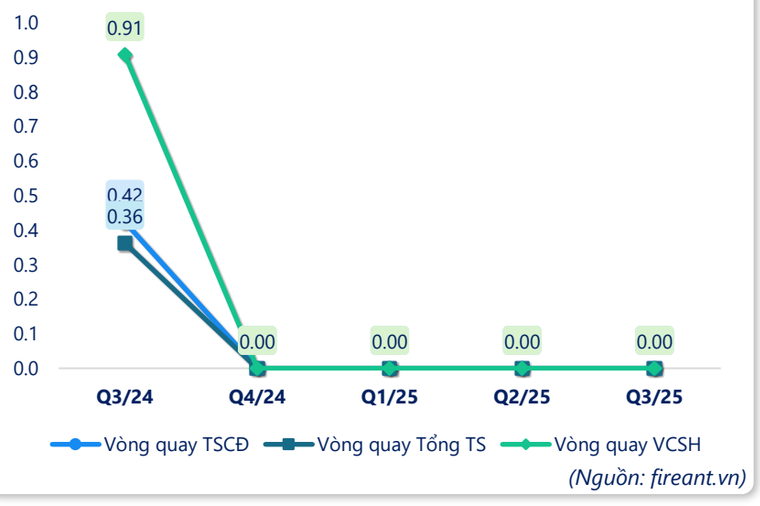
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



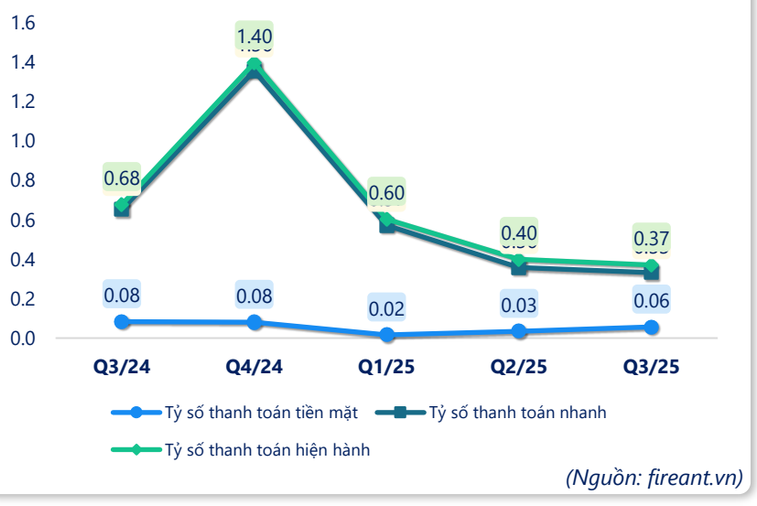
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



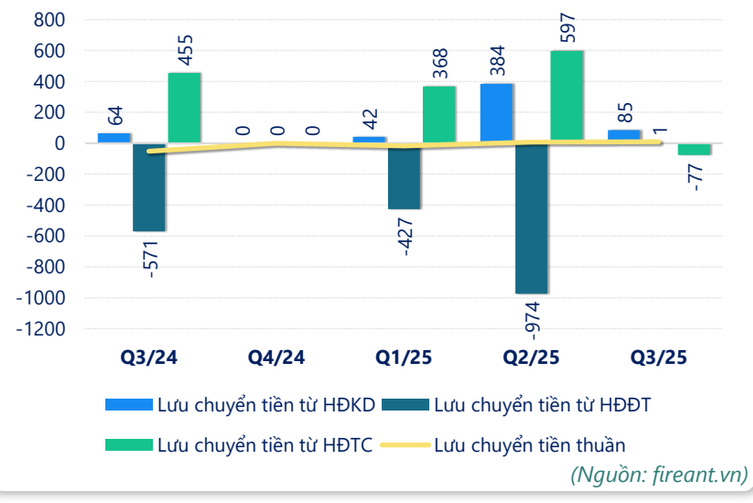
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,064**	**1,899**	**61.4%**
Tài sản ngắn hạn	149	403	-63.0%
Tiền và tương đương tiền	22.6	23.2	-2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.3	0	
Phải thu ngắn hạn	61.5	253	-75.7%
Hàng tồn kho	15.6	11.7	32.5%
Tài sản ngắn hạn khác	21.3	115	-81.5%
Tài sản dài hạn	**2,915**	**1,496**	**94.9%**
Phải thu dài hạn	932	2.20	42248%
Tài sản cố định	1,922	1,454	32.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	26.9	0.06	41271%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**34.5**	**39.0**	**-11.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,378	1,238	92.1%
Nợ ngắn hạn	**403**	**289**	**39.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	309	214	44.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.6	33.3	46.0%
Nợ dài hạn	1,975	950	108%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,743	950	83.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**686**	**660**	**3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**686**	**660**	**3.8%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	159	189	163	183	
Giá vốn hàng bán	98.2	136	119	141	
Lợi nhuận gộp	60.8	53.7	43.7	42.0	
Doanh thu HĐTC	0.83	1.82	3.23	2.15	
Chi phí TC	25.7	30.3	28.0	27.6	
Chi phí lãi vay	21.2	29.3	25.9	26.3	
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	
Chi phí QLDN	5.40	6.15	8.15	9.45	
LN thuần từ HĐKD	30.5	19.0	10.7	7.07	
Lợi nhuận khác	0	0	-0.18	0.05	
LN trước thuế	30.5	19.0	10.5	7.12	
Lợi nhuận sau thuế	24.4	15.2	8.41	5.66	
LNST của CĐ cty mẹ	24.4	15.2	8.41	5.66	

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.4	0	42.1	384	85.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-571	0	-427	-974	1.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	455	0	368	597	-76.7
Tiền đầu kỳ	73.9	0	23.2	6.16	12.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-51.9**	**0**	**-17.0**	**6.69**	**9.79**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.0	0	6.16	12.8	22.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic